

Số: 3724/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng Đồng Nai tại Tờ trình số 253/TTr-SXD ngày 27/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh một phần đất nhà ở tại các lô LT2, LT3, LT8, LT13, LT14, LT15, LT16, LT17 với diện tích khoảng 11.998m² dành bố trí nhà Liên kế tái định cư thành đất ở kinh doanh ở nhà Liên kế (LK).

2. Điều chỉnh đất chung cư kết hợp Thương mại dịch vụ 1 diện tích 6.550m² (DV1) thành đất ở nhà Liên kế (LK). Đồng thời, điều chỉnh hoán đổi các lô đất L33, L34, L21, LV5 và một phần lô L20 từ chức năng nhà ở Liên kế sang nhà ở chung cư cao tầng (CT1 diện tích 17.063m²).

3. Điều chỉnh hoán chuyển vị trí nhà trẻ GD1 diện tích 3.743m².

4. Điều chỉnh một phần đất cây xanh với diện tích 642m² thành đất dịch vụ (DV1).

5. Điều chỉnh lô CT2 diện tích 11.990m² sang đất nhà ở Liên kế và Biệt thự.

6. Điều chỉnh hoán chuyển vị trí trạm xử lý nước thải cho phù hợp đảm bảo cảnh quan cho trục đường chính N2.

7. Cập nhật chính xác diện tích cây xanh theo quy hoạch (theo quy hoạch trước đây do sai sót trong thống kê diện tích cây xanh).

8. Cơ cấu sử dụng đất của dự án sau điều chỉnh thay đổi như sau:



STT	Chức năng	Ký hiệu	Quy hoạch được duyệt		Quy hoạch điều chỉnh		Chênh lệch (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất ở		208.146	41,8	221.046	44,4	10.698,3
1	Đất ở kinh doanh		160.252	76,99	176.606	79,9	16.354,0
1.1	Nhà liên kế	L	101.649		118.696		
1.2	Nhà liên kế vườn	LV	11.224		10.524		
1.3	Biệt thự	B	25.388		30.324		
1.4	Chung cư	CT	15.441		17.062		
1.5	Chung cư kết hợp thương mại dịch vụ	Dv	6.550		0		
2	Đất ở tái định cư và Nhà ở xã hội		47.894	23,01	44.440	20,1	-3.454,7
2.1	Nhà liên kế tái định cư	LT	36.207		24.183		
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	NXH	11.687		20.257		
II	Đất công trình công cộng		23.742	4,8	25.546	4,9	804,0
1	Công trình giáo dục	GD	19.038		19.200		
2	Văn phòng khu phố	VP	528		528		
3	Công trình thương mại dịch vụ	TM	4.176		4.176		
4	Công trình trụ sở VP	SKC	0		642		
C	Đất cây xanh	CX	48.695	9,8	43.191	8,7	-5.503,6
1	Cây xanh cách ly	CX1	18.528		19.496		
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	CX2	15.302		9.941		
3	Cây xanh kết hợp TĐTT	CX3	14.865		13.755		
D	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.806	0,6	2.272	0,5	-534,0
1	Trạm BTS 1	BTS1	587		238		
2	Trạm BTS 2	BTS2	402		162		
3	Trạm xử lý nước thải	HTKT	1.817		1.872		
E	Đất giao thông		214.529	43,1	209.397	42,1	-5.131,9
	Tổng cộng		497.918		497.918	100,0	0.0

Điều 2. Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh nêu trên vẫn giữ nguyên theo cú quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng được duyệt, Sở Xây dựng, UBND thành phố Biên Hòa, UBND xã Phước Tân có trách nhiệm công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội liên quan trên địa bàn, quản lý việc thực hiện xây dựng theo nội dung quy hoạch được điều chỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Lãnh đạo Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng An Hưng Phát, lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu : VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

